

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC
ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

UBND QUẬN GÒ VẤP
THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38 /QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 4 năm 2024 của
Trường THCS Lý Tự Trọng**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT - BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 4 năm 2024 của Trường THCS Lý Tự Trọng;
- Xét đề nghị của kế toán trường THCS Lý Tự Trọng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 4 năm 2024 của Trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Mai Hương

Gò Vấp, ngày 15 tháng 1 Năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự
toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4/2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí	4.596.480.000		0%	cấp bù học phí THCS 240.000/Tháng, trong đó 40% CCTL 1.838.592.000
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại	2.757.888.000	660.644.086	24%	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN			#DIV/0!	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	23.277.195.880	9.202.178.095	0	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	23.277.195.880	9.202.178.095	40%	
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)	9.752.165.000	6.192.420.536	63%	Chi lương và các hoạt động
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) (nguồn 14) Nhu cầu NQ24/2023 CL 310.000	1.752.929.000		0%	
1.2	Kinh phí thực hiện không tự chủ Nguồn 14	6.442.536.240	3.009.757.559	47%	
a	Kinh phí NQ 98//2023-NQ08/2023	6.298.536.240	3.009.757.559	48%	
b	NQ 08/2023 đối tượng HĐ NĐ111	144.000.000		0%	
b)	Chi không thường xuyên (nguồn 12) Cấp bù HP ,BDTX,Chênh lệch định biên, Hỗ trợ kp hoạt động	5.329.565.640	1.442.164.794	27%	Chi lương và các hoạt động
b.1	Hỗ trợ cấp bù HP	4.596.480.000	1.111.980.000	24%	
b.2	BD Thường xuyên, KP hoạt động 3tr/lớp	202.500.000		0%	
b.3	Chênh lệch định biên	530.585.640	330.184.794	62%	
	Tiền thưởng	323.147.000	332.849.800		

Gò Vấp, Ngày 15 tháng 1 năm 2025

Hiệu trưởng

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 04 NĂM 2024

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2024

	Nguồn 13 (chi thường xuyên lương và các hoạt động)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên , nguồn CCTL NQ24/2023 CL 310.000)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên KP hoạt động, cấp bù HP,BD thường xuyên,Chênh lệch định biên	Tổng cộng
Tồn năm 2023 chuyển sang	291.170.524				291.170.524
Dự toán giao trong năm 2024	11.699.770.000		6.130.120.312	6.503.762.000	24.333.652.312
Dự toán đã sử dụng	11.953.940.524	-	5.046.877.560	6.376.334.046	23.377.152.130
+ Quý 1	969.832.438				969.832.438
+ Quý 2	2.246.066.540		2.037.160.001	4.934.169.252	9.217.395.793
+ Quý 3	2.545.621.010			-	2.545.621.010
+ Quý 4	6.192.420.536		3.009.717.559	1.442.164.794	10.644.302.889
Tồn cuối kỳ	37.000.000	-	1.083.242.752	127.427.954	1.247.670.706

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) : 6.192.420.536

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 04 /2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
6000	Tiền lương	2.981.645.845	7.050.806.374
6001	Lương ngạch: bậc theo quỹ lương được duyệt	2.981.645.845	7.050.806.374
6002	Lương tập sự, công chức dự bị	-	-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	-	-
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	-
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp	-	-
6100	Phụ cấp lương	1.696.046.659	1.696.046.659
6101	Phụ cấp chức vụ	45.076.000	102.276.000
6105	Phụ cấp thêm giờ	379.773.385	379.773.385
6107	Phụ cấp độc hại	2.162.000	4.968.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	841.190.373	1.993.970.847
6113	Phụ cấp theo nghề, theo cơ cấu, bậc	12.695.000	19.710.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	412.993.622	628.443.225
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung	-	-
6149	Khác	2.156.279	2.156.279
6200	Tiền thưởng		
6201	Chi thường xuyên		
6300	Các khoản đóng góp	766.734.767	766.734.767
6301	Bảo hiểm xã hội	560.589.373	1.366.892.184
6302	Bảo hiểm y tế	102.987.488	241.210.821
6303	Kinh phí công đoàn	68.834.673	161.357.947
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	34.323.233	80.397.687
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	37.807.200	37.807.200
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	37.807.200	240.721.200
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	-	-
6501	Chi thanh toán tiền điện	-	-
6502	Chi thanh toán tiền nước	-	-
6550	Vật tư văn phòng	-	-
6551	văn phòng phẩm	-	-
6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	-	-
6599	Vật tư văn phòng khác	-	-
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	11.674.000	11.674.000
6601	Cước phí điện thoại trong nước	-	-
6605	Cước phí Internet, phương tiện, điện tử	-	-
6608	sách, báo, tạp chí, in ấn	11.674.000	11.674.000
6700	Công tác phí	-	9.000.000
6704	Khoản công tác phí	-	9.000.000
6750	Chi phí thuê mướn	1.860.000	23.140.000
6757	Thuê lao động trong nước	1.860.000	23.140.000
6799	Chi phí thuê mướn khác	-	-
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và được tài sản được các	-	-
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng	-	-
6907	Nhà cửa	-	-
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	-	-
6907	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác nhà cửa	-	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng	656.481.183	656.481.183
7001	Đồ dùng chuyên môn		-

7004		16.365.000	16.365.000
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn		-
7053	Chi phí khác	-	-
7951	Quỹ ổn định	208.714.786	208.714.786
7952	Quỹ PL	155.383.970	155.383.970
7953	Quỹ KT	180.000.000	180.000.000
7954	quỹ PTSN	96.017.427	96.017.427
8049	Hỗ trợ trợ cấp thôi việc		-
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn		-
9099	Tài sản khác		-

2/Chi thường xuyên (nguồn 14) :nguồn CCTL

- Tăng lương theo NQ24/2023 CL 310.000
- Chi Nghị quyết 08:

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

- Phụ cấp thêm giờ:
- Thuê lao động trong nước:
- Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục:
- Quỹ tiền thưởng (N18)

3.009.717.559
3.009.717.559
1.442.164.794
-
-
-
322.849.800

đồng.
đồng.

Gò Vấp, ngày 15 tháng 1 năm 2025

Hiệu trưởng



Vũ Mai Hương